

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2023/DS - PT

Ngày: 31/7/2023

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Lý.

Các Thẩm phán: Ông Bằng Công Hiệp và ông Hoàng Quý Sửu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thúy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2023/TLPT- DS ngày 10/4/2023 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất". Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DSST ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ma Thị T, sinh năm 1958 (có mặt)

HKTT: xóm N, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Lưu Thúy H, Luật sư - do trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T cử (có mặt)

2. Bị đơn: Trung tâm y tế huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tuấn T1- Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hà Thị C - Phó Trưởng phòng tổ chức hành chính. (có mặt tại phiên tòa)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trạm Y tế xã Yên Trạch, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

Địa chỉ: xóm Na Hiên, xã Yên Trạch, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1975

Chức vụ: Trưởng trạm Y tế xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN THEO ÁN SƠ THẨM:

Nguyên đơn bà Ma Thị T trình bày: trước năm 1960, ông cha nhà bà khai phá thửa đất S1 và S2, sau đó kê khai và được cấp QSD đất mang tên bố bà là ông Ma Văn B. Năm 1987 bà lấy chồng ra ở riêng được bố mẹ cho hai

thửa đất trên, năm 1993 bà đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Những năm chiến tranh gia đình bà có để trạm y tế xã ở nhờ và dựng 01 lán nhỏ trên phần diện tích đất ký hiệu S2, sau đó trạm y tế chuyển đi. Đến năm 1985, trạm y tế lại về diện tích đất S2 để xây dựng trạm (khi đó gia đình bà không nhất trí), năm 1998 trạm y tế được cấp giấy chứng nhận QSD đất mà gia đình bà không biết. Năm 2009, trạm y tế đã chặt phá của bà một số cây trên diện tích đất S2 (cây sấu, 04 cây trám trồng từ năm 1987 và một số cây khác). Do vậy đã bà yêu cầu Trạm y tế xã Y trả 730m² đất tại thửa 273, tờ bản đồ 45. Yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng 1308m² đất tại thửa 245, tờ bản đồ 45 và cây cối trên thửa đất 245

Người đại diện của bị đơn ông Nguyễn Văn H1 trình bày: Trạm y tế xã Y được thành lập năm 1960, sau khi thành lập vẫn đóng quân (trụ sở) tại xóm N, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Năm 1960, Trạm y tế xã xây dựng trụ sở tại thửa đất 273 có diện tích 597m², đến năm 1985 công trình bị xuống cấp hư hỏng nên Trạm y tế chuyển sang thửa đất 245 tờ bản đồ số 12 có diện tích 1308m² và xây dựng hai căn nhà cấp 4. Ngày 05/6/1998, Trạm y tế xã Y đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00590, giao cho 02 thửa đất trên tiếp tục sử dụng. Năm 2009, Trạm y tế san ủi đất thì gia đình bà T không cho và phát sinh tranh chấp. Sau đó bà T đã trồng một số cây cối trên thửa đất 273, sau đó lấn dần và trồng cây trên toàn bộ thửa đất.

Nay bà T có đơn khởi kiện, Trạm y tế không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Với nội dung trên, tại bản án số 01/2023/DS-ST ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương đã xét xử và quyết định: *Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 100, 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ma Thị T. Bác yêu cầu đòi 730m² đất tại thửa 273, tờ bản đồ 45. Yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng 1308m² đất tại thửa 245, tờ bản đồ 45 và cây cối trên thửa đất 245 của bà Ma Thị T đối với Trạm Y tế xã Y. Bà Ma Thị T thu hoạch cây cối trên thửa đất 237 của Trạm y tế xã Y.

2. Về án phí: Miễn án phí cho bà Ma Thị T. Hoàn trả cho bà Ma Thị T số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003298 ngày 25/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 01/2023/QĐ-SCBSBA ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, buộc bà Ma Thị T phải chịu 13.000.000đồng tiền chi phí tố tụng là tiền thẩm định đo vẽ và định giá tài sản (đã quyết toán xong).

Ngày 09/3/2023, bà Ma Thị T làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị hủy bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, với lý do:

+ Trạm y tế Y đã chặt cây, lấy đất của bà mà không thực hiện đền bù; Trạm y tế Yên Trạch kê khai xin cấp QSD đối với hai khu đất mà các thửa đất này gia đình bà vẫn đang sử dụng;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00590 ngày 05/6/1998 cấp cho Trạm y tế xã Y là không đúng vì không có số ô, số thửa, không có ranh giới; Tòa án đã giải quyết không khách quan, vô tư, không đúng quy định của pháp luật; không xem xét đến nguồn gốc đất...

Tại phiên tòa Luật sư và bà Ma Thị T cho rằng: Nguồn gốc đất tranh chấp là của bố mẹ bà T là ông Ma Văn B và bà Mông Thị C1, sau đó để lại cho bà T quản lý và sử dụng. Trước khi cấp đất cho Trạm y tế xã Y thì UBND tỉnh T chưa có quyết định thu hồi. Tại Quyết định 286 ngày 16/6/2003 kế hoạch giao đất của UBND huyện P thì Trạm y tế xã Y chỉ được giao 400m² đất. Có xác nhận của một số y tá làm việc tại Trạm y tế xã Y có thời điểm Trạm y tế mượn đất của gia đình bà T sử dụng khoảng 2 năm, sau đó đã chuyển sang khu đất mới sử dụng đến bây giờ. Trên bản đồ địa chính thể hiện thửa đất có diện tích 730m², trạm Y tế xã Y chỉ được cấp có 597m². Chúng tôi đề nghị Tòa cấp sơ thẩm xác minh làm rõ bìa đỏ mà trạm y tế được cấp; Vụ án là tranh chấp QSD đất là vụ án dân sự, chúng tôi đề nghị Tòa án hoà giải tuy nhiên Tòa án cũng không tiến hành hoà giải. Bản án của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương không đảm bảo các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Ma Thị T. Sửa cách tuyên bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] : Nguyên đơn là bà Ma Thị T, kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] : Về tư cách tham gia tố tụng: Theo quy định tại Điều 74 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau đây: Được thành lập theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan; Có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 83 của Bộ luật này; Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình; Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách

độc lập. Theo Khoản 1, Điều 2 Nghị định 117/2014/NĐ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ quy định tổ chức Y tế xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Trạm Y tế xã) là đơn vị y tế thuộc Trung tâm Y tế H, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Trung tâm Y tế huyện), được thành lập theo đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã). Theo Khoản 1, Điều 4 Thông tư 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ Y quy định trạm y tế xã là đơn vị y tế thuộc Trung tâm y tế huyện, chịu sự quản lý toàn diện, điều hành trực tiếp của Giám đốc Trung tâm y tế huyện. Như vậy, Trạm y tế xã Y chỉ là đơn vị trực thuộc của Trung tâm y tế huyện P, mặc dù có trụ sở và có con dấu để giao dịch nhưng không có tài khoản riêng mà thuộc tài khoản của Trung tâm y tế huyện P. Trong vụ án này, Trung tâm y tế huyện P là bị đơn trong vụ án.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Ma Thị T.

[2.1]: Về yêu cầu khởi kiện của bà Ma Thị T về việc yêu cầu Trạm Y tế xã Y trả 730m² đất tại thửa 273, tờ bản đồ 45. Yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng 1308m² đất tại thửa 245, tờ bản đồ 45 và cây cối trên thửa đất 245. HĐXX xét thấy:

[2.1.1]: Bà Ma Thị T cho rằng trước năm 1960, ông cha của bà khai phá thửa đất S1 và S2, sau đó kê khai và được cấp QSD đất mang tên bố bà là ông Ma Văn B. Năm 1987 bà lấy chồng ra ở riêng được bố mẹ cho hai thửa đất trên, năm 1993 bà đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Mặc khác, tại phiên tòa phúc thẩm, bà T lại khai đã đến UBND xã kê khai nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, bà T không cung cấp được bất kỳ tài liệu gì chứng minh cho lời trình bày của mình.

- Chứng cứ bà T cung cấp là GCNQSD đất của bà Ma Thị T tổng diện tích đất được cấp là 589 m². Trong đó thổ cư là 398m² và 192 m² đất lúa. Diện tích này phù hợp với sổ thuế nông nghiệp ghi rõ đất thổ cư 400m² và 192 m² đất lúa. Phần diện tích này không chồng lấn với diện tích đất của thửa 273; 245. Về sổ lâm bạ mang tên ông Ma Văn B lập ngày 31/8/1984 thì sổ này là bản photo và không có dấu của bất kỳ cơ quan quản lý nhà nước nào nên không có giá trị pháp lý. Hơn nữa về diện tích ghi trong sổ là 0,8560 ha. Diện tích này không phù hợp với toàn bộ khu đất Trạm y tế và gia đình bà T đang quản lý.

[2.1.2]: Về quá trình quản lý sử dụng đất của Trạm y tế xã Yên Trạch thấy:

- Năm 1960 Trạm y tế xã xây dựng trụ sở tại thửa đất số 273 có diện tích 597m² đến năm 1985 công đã trình bị xuống cấp hư hỏng nên Trạm y tế xã đã chuyển sang thửa đất 245 tờ bản đồ số 12 có diện tích là 1308m² xây dựng hai căn nhà làm việc cấp 4. (Tại phiên tòa phúc thẩm bản thân bà T cũng thừa nhận năm 1960 Trạm y tế có làm lán tạm trên diện tích đất đang tranh chấp)

- Tại bản đồ hiện trạng Trạm y tế xóm N, xã Y của Sở địa chính năm 1987 đã xác định thửa S1, S2 thuộc Trạm y tế (BL 58).

- Năm 1998 Ủy ban nhân dân tỉnh T đã có quyết định 1347 ngày 5/6/1998 giao 02 thửa đất trên cho Trạm y tế xã tiếp tục sử dụng (BL43).

- Ngày 05/6/1998, Trạm y tế xã Y đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00590.

[2.2]: Đối với yêu cầu bồi thường cây trên đất bà T cho rằng năm 2009 Trạm y tế đã chặt, thấy rằng: Trong hồ sơ vụ án cũng như quá trình giải quyết vụ án bà T không xuất trình được tài liệu chứng cứ, tại phiên tòa phúc thẩm lại xác định cây bị Trạm y tế chặt năm 1987, không có biên bản về số lượng cây cụ thể, do ai chặt nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của bà T.

Như vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ma Thị T về việc yêu cầu trả 730m² đất tại thửa 273, tờ bản đồ 45; Yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng 1308m² đất tại thửa 245, tờ bản đồ 45 và cây cối trên thửa đất 245 đất được cấp cho Trạm Y tế xã Y. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp toàn bộ nội dung khởi kiện của bà T là có căn cứ.

[2.3]: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 203, Điều 205 của Bộ luật tố tụng dân sự là vi phạm. Tuy nhiên, các đương sự đều xác định trước đó cũng được hòa giải nhưng không thỏa thuận với nhau được. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử cũng đã kiên trì hòa giải, nhưng các đương sự cũng không hòa giải thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án được. Cho nên, nếu có hủy đi thì khi giải quyết lại các đương sự cũng không hòa giải được mà chỉ gây tốn kém về thời gian, công sức của các đương sự.

[2.4]: Trong quá trình giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai tư cách tham gia tố tụng, tại đơn khởi kiện (BL số 3) bà T khởi kiện Trung tâm y tế huyện P, tuy nhiên tại thông báo thụ lý cũng như các văn bản khác Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn là Trạm y tế xã Yên Trạch là vi phạm điều 5 BLTTDS về quyền tự định đoạt của đương sự, vi phạm về xác định nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã đưa Trung tâm y tế huyện P tham gia tố tụng, cho nên hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại tư cách tham gia tố tụng.

[2.5] Từ những phân tích tại mục [2.1] [2.2] [2.3] [2.4] thấy rằng: Mặc dù cấp sơ thẩm có những vi phạm thủ tục tố tụng, tuy nhiên nếu có hủy án, khi giải quyết lại cũng không thay đổi nội dung không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ma Thị T. Cho nên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không hủy bản án sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm để giải quyết những vụ khác. Do cấp sơ thẩm xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng, nên HĐXX cấp phúc thẩm sửa lại cách tuyên cho phù hợp.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu tại phiên tòa có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Không chấp nhận lời trình bày của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn và ý kiến của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Do bà T là người cao tuổi, nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 148 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận kháng cáo của bà Ma Thị T.

II. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ma Thị T đối với Trung tâm y tế huyện P, tỉnh Thái Nguyên về việc kiện đòi 730m² đất tại thửa 273, tờ bản đồ 45 và yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng 1308m² đất; cây cối trên thửa đất tại thửa 245, tờ bản đồ 45. (Đấy đã được Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00590 cho Trạm y tế xã Yên Trạch ngày 05/6/1998)

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Ma Thị T. Hoàn trả cho bà Ma Thị T số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003298 ngày 25/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Ma Thị T phải chịu 13.000.000đ tiền chi phí tố tụng (Thẩm định, định giá) bà T đã nộp và cấp sơ thẩm đã quyết toán xong.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS huyện Phú Lương;
- TAND huyện Phú Lương;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Lý